

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 04 năm 2022
Về việc: Xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Phiến

2, Bà Lê Thị Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc C - Sinh năm: 1971

* Bị đơn: Chị Trần Thị L - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Cùng trú tại tổ x, phường N, TP H, tỉnh H.

Chị Trần Thị L hiện đang chấp hành án tại K1, Trại giam Q, huyện S, tỉnh T.

NHẬN THẤY.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Quốc C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện và bản tự khai anh C trình bày: Anh và chị Trần Thị L đăng ký kết hôn ngày 01/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên do chị L mãi mê làm ăn kiếm tiền không có sự tính toán, mà dẫn đến nợ nần nhiều người, bản thân chị L làm gì không bàn bạc với anh C, việc vay mượn tiền của nhiều người sử dụng vào mục đích gì. Chị L không cho anh biết, cuộc sống vợ chồng không có sự tôn trọng nhau thương yêu nhau, anh đã nhiều lần khuyên can, nhưng chị L vẫn không nghe, do vậy anh xét thấy cuộc sống hạnh phúc gia đình vợ chồng không có sự tin tưởng giúp đỡ lẫn nhau, bản thân chị L thiếu tôn trọng

và luôn coi thường anh, vì vậy anh xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị Trần Thị L.

* Về con chung: anh C và chị L cùng xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Linh N sinh ngày 01/04/2012. Sau ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu N.

* Về tài sản chung, công nợ chung: anh C và chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không đề nghị giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 31 tháng 3 năm 2022 bị đơn chị Trần Thị L xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn đúng như anh C đã trình bày. Từ khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến tháng 8/2021 chị L phạm tội và phải chấp hành 8 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quan điểm của chị L là không đồng ý ly hôn, muốn gia đình đoàn tụ sau khi chị chấp hành xong án về cùng anh C nuôi dạy con cái, nhưng nếu anh C nhất quyết ly hôn thì chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo luật định. Hiện tại chị L đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến tỉnh Tuyên Quang và có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Do vậy Tòa án không tiến hành việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không thực hiện được việc hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Nguyễn Quốc C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Quốc C vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết xử cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L. Về con chung anh Nguyễn Quốc C có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Linh N, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung anh C không đề nghị Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của cháu Nguyễn Linh N là được sống chung với bố cháu là Nguyễn Quốc C

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang.

- Việc việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53 và Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật HN&GD, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Quốc C được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Linh N sinh ngày 01/04/2012 cho anh Nguyễn Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N đến khi đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị L có quyền qua lại thăm non, chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm ly hôn và quyền kháng cáo của các đương sự đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu xin ly hôn: Anh C và chị L kết hôn ngày 01/7/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, việc kết hôn là tự nguyện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị L là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống chung trước khi chị L vi phạm pháp luật đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không có sự bàn bạc thống nhất khi làm việc gì, chị L tự ý quyết định mọi việc trong làm ăn, luôn coi thường anh, anh và chị đã sống l; y thân được gần một năm nay, dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn tình cảm thương yêu nhau lại thường xuyên xa cách, nay chị L phải chấp hành hình phạt tù do vi phạm pháp luật càng làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, kinh tế gia đình sa sút, nợ nần không có điều kiện giúp đỡ những khó khăn trong cuộc sống gia đình. Bản thân anh C thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C. Xử cho anh Nguyễn Quốc C được ly hôn với chị Trần Thị L.

[2] Về con chung: Anh C và chị L cùng xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Linh N sinh ngày 01/04/2012. Sau ly hôn anh C nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu N. Phía chị L có quan điểm nhất trí giao cháu N cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N là phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án buộc anh Nguyễn Quốc C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Quốc C được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh N sinh ngày 01/04/2012 cho anh Nguyễn Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Linh N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu N, chị L có quyền qua lại thăm non chăm sóc con chung sau khi chấp hành xong án. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: anh Nguyễn Quốc C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn anh C đã nộp nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0002596, ngày 28 tháng 09 năm 2021.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt anh Nguyễn Quốc C và chị Trần Thị L, báo cho anh C, chị L được biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TPHG;
- Các đương sự;
- CCTHADS TPHG;
- UBND xã Khánh Trung, h Yên Khánh, tỉnh ninh Bình;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sùng Thị Mai